

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025 và biểu mẫu báo cáo tại Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát, xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo các tiêu chí quy định của Chính phủ để thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh làm căn cứ thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương năm 2024.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình phải được thực hiện đúng quy trình theo các tiêu chí quy định và được tiến hành trực tiếp đối với từng hộ từ thôn, khu phố, bảo đảm công khai, dân chủ, có sự tham gia của các cấp, các ngành và của người dân nhằm xác định đúng đối tượng, không trùng lặp, sót, phản ánh đúng thực trạng đời sống của Nhân dân địa phương.

- Kết thúc cuộc rà soát, các thôn, khu phố và xã, phường, thị trấn phải xác định chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình, lập danh sách để theo dõi, quản lý; từng huyện, thị xã, thành phố xác định tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm căn cứ thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2024.

II. NỘI DUNG

1. Đối với việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Tiêu chí rà soát: Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

1.2. Đối tượng rà soát: Hộ gia đình trên phạm vi toàn tỉnh.

1.3. Phạm vi rà soát: Được tiến hành trong toàn tỉnh.

1.4. Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 đến ngày 14/12/2023.

1.5. Quy trình thực hiện: Theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

1.6. Tổng hợp dữ liệu: Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Đối với việc xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình

2.1. Tiêu chí rà soát: Thực hiện theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

2.2. Đối tượng rà soát: Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh (kể cả số hộ tuy chưa đăng ký thường trú nhưng thực tế đang sinh sống tại địa phương từ 6 tháng trở lên).

2.3. Phạm vi rà soát: Được tiến hành trong toàn tỉnh.

2.4. Thời gian thực hiện: Thường xuyên (khi hộ gia đình có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 - tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

2.5. Quy trình thực hiện: Theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

III. TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ

1. Báo cáo sơ bộ

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện báo cáo kết quả sơ bộ trên địa bàn về Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/11/2023.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2023.

2. Báo cáo chính thức

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo về Ban Chỉ đạo cấp huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 25/11/2023.

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện căn cứ kết quả của các xã, phường, thị trấn, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả trên địa bàn về Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/12/2023 và tổng hợp báo cáo kết quả xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình; đồng thời, gửi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo và kết nối với dữ liệu quốc gia về dân cư (theo Phụ lục đính kèm).

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh, căn cứ kết quả của các huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/12/2023; đồng thời, gửi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo và kết nối với dữ liệu quốc gia về dân cư (theo Phụ lục đính kèm).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023

- Sử dụng nguồn chi bảo đảm xã hội khác được giao trong kinh phí chi công việc năm 2023 của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp tỉnh và nguồn kinh phí sự nghiệp bảo đảm xã hội khác cho các huyện, thị xã, thành phố đối với cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Sử dụng nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh đã được chuyển nguồn sang năm 2023 (nội dung và mức chi quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025).

2. Kinh phí rà soát, xác định thu nhập hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023

Sử dụng nguồn chi bảo đảm xã hội khác được giao trong kinh phí chi công việc năm 2023 của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp tỉnh và nguồn kinh phí sự nghiệp bảo đảm xã hội khác cho các huyện, thị xã, thành phố đối với cấp huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh): Có trách nhiệm dự trù kinh phí thực hiện; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả rà soát về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo đúng thời gian quy định; phối hợp chuyển giao phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố (nếu có); tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát; chỉ đạo, tổ chức thực hiện rà soát; theo dõi kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; cấp phối giấy chứng nhận và hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Bảo hiểm Xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn địa phương trong việc tổng hợp, báo cáo về thực hiện chính sách BHYT đối với hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Thuận, Báo Bình Thuận và các cơ quan truyền thông khác: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên phạm vi toàn tỉnh để mọi người dân biết đăng ký thực hiện, phát huy tinh thần làm chủ, tự giác chấp hành và khai báo những thông tin của hộ, bảo đảm trung thực.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh; các sở, ngành: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn, Cục Thống kê tỉnh, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh: Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, vận động Nhân dân và các hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình ở cơ sở, bảo đảm công bằng, minh bạch, dân chủ, công khai và đạt yêu cầu đề ra.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 ở địa phương mình; tập huấn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho rà soát viên cấp xã, cấp thôn.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm thực hiện đúng quy trình, trung thực, công khai, minh bạch để xác định đúng đối tượng, phản ánh đúng thực trạng đời sống của Nhân dân tại địa phương nhằm cải thiện tỷ lệ đánh giá chỉ số PAPI trong công tác giảm nghèo của tỉnh; báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đảm bảo thời gian quy định.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 theo phân cấp ngân sách.

- Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Bảo hiểm xã hội cùng cấp (tại thành phố Phan Thiết phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh) hàng quý đối chiếu, tổng hợp danh sách, tổng hợp danh sách người tham gia BHYT thuộc hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác nhận làm căn cứ quyết toán tiền ngân sách nhà nước (trung ương, tỉnh) hỗ trợ mức đóng BHYT theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

+ Tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện thông tin, truyền thông.

+ Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn đảm bảo theo quy định; phân bổ số lượng rà soát viên phù hợp với số lượng hộ của từng địa bàn.

+ Thực hiện tốt việc họp dân, niêm yết công khai minh bạch, đúng quy trình, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đảm bảo nội dung và tiến độ theo yêu cầu của Kế hoạch.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời hướng dẫn giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các tình huống phát sinh vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- Chủ tịch, PCT.UBND tỉnh (Nguyễn Minh);
- Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Báo Bình Thuận, Đài PT-TH Bình Thuận;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXNV, Th.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh

PHỤ LỤC

Hướng dẫn lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

(Kèm theo Kế hoạch số 3477 /KH-UBND ngày 14 /9/2023 của UBND tỉnh Bình Thuận)

I. MẪU THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

ST T	STT Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ / thị xã/ thành phố	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1												
2													
3													
4	2												
5													

II. HƯỚNG DẪN CÁCH THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Một số thông tin chung

- Thông tin dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các mã tương ứng được quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo lập theo mẫu trên, không thêm, bớt cột.

- Tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phải được thu thập dữ liệu và tập trung trong 1 biểu; mỗi địa phương lập một sheet trong 1 file riêng. Không tách từng file hoặc từng sheet riêng đối với xã, phường, thị trấn, thôn, khu phố.

- Định dạng dữ liệu điện tử: file văn bản excel (File lưu: Tênhuyện.xlsx). Ví dụ: Huyện Tuy Phong ghi là: tuyphong.xlsx

- Kiểu chữ: Times new roman.

- Cỡ chữ: 10.

- Trong bảng excel không gộp các ô bằng lệnh Merge & Center. Không đặt công thức trong các ô excel. Không ẩn hàng, ẩn cột.

- Dữ liệu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phải liền mạch; không có dòng trống, không chèn thêm dòng ghi các thông tin khác ngoài thông tin của thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ví dụ: Không chèn thêm dòng ghi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện...; không chèn thêm dòng ghi tên thôn, xã, huyện (địa danh huyện, xã, thôn đã được thể hiện tại các cột 9, 10, 11, 12); không chèn thêm dòng tổng số hộ, tổng số khẩu (đã được thể hiện ở cột 1, cột 2).

2. Hướng dẫn cách điền dữ liệu

Cột (1). Đánh số thứ tự người từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện C, tỉnh D có số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là 45.000 người, cột 1 đánh số thứ tự từ 1 đến 45.000.

Cột (2). Đánh số thứ tự hộ từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện A, tỉnh B có số hộ nghèo, hộ cận nghèo là 15.015 hộ, cột 2 đánh số thứ tự từ 1 đến 15.015.

Cột (3). Họ và tên chủ hộ. Ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của chủ hộ. Lưu ý: ghi đầy đủ tên chủ hộ đối với các dòng tương ứng có thành viên thuộc hộ gia đình. Ví dụ: Hộ ông Nguyễn Văn A có 4 thành viên ghi như sau:

STT Hộ	S T T	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện / thị xã/thành phố	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn A										
	2	Nguyễn Văn A	Phạm Thị N										
	3	Nguyễn Văn A	Nguyễn M										
	4	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn Z										

Cột (4). Họ và tên thành viên. Ghi đầy đủ họ và tên thành viên hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của thành viên hộ, bao gồm cả tên chủ hộ.

Cột (5). Quan hệ với chủ hộ:

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Chủ hộ ghi mã 1.

- Vợ/chồng chủ hộ ghi mã 2.
- Con (bao gồm con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi) ghi mã 3.
- Bố/mẹ (bao gồm bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi) ghi mã 4.
- Khác (bao gồm: ông, bà, cô, dì, chú, bác, cháu, anh, chị, em..) ghi mã 5.

Cột (6). Ngày, tháng, năm sinh. Ghi dạng (dd/mm/yyyy), ví dụ: ngày 20 tháng 5 năm 1988 ghi là **20/05/1988**.

Lưu ý:

- Không thay đổi định dạng như: 20.05.1988 hoặc 20-05-1988 hoặc 20/5/1988.
- Cần thu thập đầy đủ cả ngày, tháng, năm sinh của người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trường hợp không có ngày, tháng sinh thì ghi ngày 01 tháng 01. Ví dụ: 01/01/1943.

Cột (7). Giới tính:

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Nam ghi 1.
- Nữ ghi 2.

Cột (8). Số CCCD/mã ĐDCN: Ghi theo số căn cước công dân và mã định danh cá nhân của thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Dùng dấu (‘) trước chữ số căn cước công dân và mã định danh cá nhân.

Cột (9). Tỉnh/thành phố. Chỉ ghi tên tỉnh, thành phố. Ví dụ: Tỉnh Bình Thuận ghi là **Bình Thuận**, không ghi là T. Bình Thuận hoặc tỉnh Bình Thuận. Không ghi mã tỉnh/thành phố.

Cột (10). Huyện/thị xã/thành phố. Chỉ ghi tên huyện, thị xã, thành phố. Ví dụ: huyện Hàm Thuận Bắc ghi là Hàm Thuận Bắc, không ghi là: huyện Hàm Thuận Bắc,..; CL; huyện Không ghi mã Huyện/thị xã/thành phố.

Cột (11). Xã/phường/thị trấn: Chỉ ghi tên xã, phường, thị trấn. Ví dụ. Xã Hàm Chính, ghi là: **Hàm Chính**, không ghi là: xã Hàm Chính; x. Hàm Chính;

Cột (12). Thôn/tổ dân phố. Chỉ ghi thôn, tổ dân phố, xóm. Ví dụ: Thôn Dân Thuận ghi là **Dân Thuận**. Không ghi là thôn Dân Thuận,...

Cột (13). Dân tộc. Ghi tên dân tộc theo bảng mã của tổng cục Thống kê. Đối với các mã từ 01 đến 09, bỏ số 0, ghi từ 1, 2, 3,..., 9. Ví dụ: Kinh ghi mã 1. Tày ghi mã 2. Thái ghi mã 3. Hoa ghi mã 4. Khơ Me ghi mã 5. Mường ghi mã 6. Nùng ghi mã 7. Hmông ghi mã 8. Dao ghi mã 9.

Lưu ý: ghi đúng mã dân tộc, kể cả các tên gọi khác. Ví dụ: Thổ thuộc dân tộc Tày, ghi mã 2. Cao Lan, Sán Chỉ thuộc dân tộc Sán Chay, ghi mã 15.

Cột (14). Phân loại hộ

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Hộ nghèo: ghi mã 1. Không ghi là: hộ nghèo; HN hoặc N.
- Hộ cận nghèo: ghi mã 2. Không ghi là: hộ cận nghèo; HCN hoặc CN.

Lưu ý: tất cả các thành viên trong hộ gia đình đều ghi theo phân loại hộ.

Ví dụ: mẫu danh sách thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo

STT	STT Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/thị xã/ thành phố	Xã/ Phường/thị trấn	Thôn/bản/ tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
1	1	Sùng Thị Niễn	Sùng Thị Niễn	1	11/12/1981	2	010096003301	Bình Thuận	Hàm Thuận Nam	Hàm Cần	3	8	1
2		Sùng Thị Niễn	Vàng Văn Vương	2	05/10/1981	1	010195007092	Bình Thuận	-----	-----	8	1
3		Sùng Thị Niễn	Vàng Thị Hiêng	3	16/07/2009	2	010216007423	Bình Thuận	-----	-----	8	1
4	2	Liều Văn Đương	Liều Văn Đương	1	01/01/1942	1	0102215005074	Bình Thuận	-----	-----	9	1
5		Liều Văn Đương	Vàng Thị Phương	2	09/11/1947	2	010062002375	Bình Thuận				9	1
6	3	Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Liêng	1	11/12/1965	1	010163002856	Bình Thuận				8	2
7		Vàng Văn Liêng	Liều Thị Lưỡng	5	15/10/2010	2	010188006527	Bình Thuận				8	2
8		Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Niêng	5	18/10/2012	1	010096003308	Bình Thuận				8	2